

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 457/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà B.T.T.T, sinh năm 1989

Địa chỉ: 180 ấp 7, xã Đ.T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông N.V.Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: 40H ấp 3, xã Đ.T, huyện Hóc Môn, TP.HCM.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 02/01/2018, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà B.T.T.T trình bày:

Bà Tvà ông N.V.Đ tự nguyện tìm hiểu, cưới và đăng ký kết hôn ngày 06/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ.T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống không có hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông Đthường xuyên bạo hành gia đình, thường xuyên mắng chửi bà Trang, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống chung xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Bà Tcảm thấy không còn tình cảm với ông Đnữa và không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Điền; Về con chung: có 01 con chung tên N.T.T.M, sinh ngày 07/08/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu ông Đcấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tkhai không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2019 bị đơn ông N.V.Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của Bà T về quan hệ hôn nhân, kết hôn và con chung, ông Đ đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: có 01 con chung tên N.T.T.M, sinh ngày 07/08/2010. Khi ly hôn ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu Bà T cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: ông Đ khai không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định theo Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Về quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng Bà T và ông Đ đã trầm trọng; Về con chung: có 01 con chung tên N.T.T.M, sinh ngày 07/08/2010. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con; Ông Đ cũng yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, trẻ M là gái, hiện tại trẻ M đang sống cùng Bà T và trẻ cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Việc giao trẻ M cho Bà T nuôi dưỡng là phù hợp cho sự phát triển ổn định của trẻ. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu cho Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bởi các lẽ trên, căn cứ Điều 56, 81 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Ngày 16/4/2019 Bà T có đơn xin vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đ đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà B.T.T.T và ông N.V.Đ đăng ký kết hôn ngày 06/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ.T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01. Theo Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của Bà T và ông Đ hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án Bà T yêu cầu ly hôn vì ông Đ thường xuyên cờ bạc, đánh đập bà T, ông Đ có đến Tòa để lấy lời khai và tham gia hòa giải, ông Đ nêu do Bà T ngoại tình nên hai bên đã ly thân nên đồng ý ly hôn với bà T. Hiện tại Bà T và ông Đ đã ly thân, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và Bà T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và khả

năng đoàn tụ vợ chồng không có. Chính vì những phân tích nêu trên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.T.T.T với bị đơn ông N.V.Đ.

- Về con chung: Có 01 trẻ tên N.T.T.M, sinh ngày 07/08/2010 hiện bà T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà Tyêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Ông Đ cũng có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ chứng minh và các chứng cứ cần cung cấp để bảo vệ yêu cầu của mình nhưng ông Đ vắng mặt, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ yêu cầu của mình, hội đồng xét xử xét thấy bà Thiện có nơi cư trú và công việc ổn định, đang trực tiếp chăm sóc và đang sống với trẻ M. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ M, phù hợp nguyện vọng của trẻ. Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đ cho tới khi bà T có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà T và ông Đ là không có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà B.T.T.T.

Về quan hệ vợ chồng: Bà B.T.T.T được ly hôn với ông N.V.Đ.

Về con chung: có 01 con chung tên N.T.T.M, sinh ngày 07/08/2010. Giao con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. **Tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đ cho đến khi Bà T có yêu cầu.**

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà T là không có tài sản chung và nợ chung.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, Bà T phải chịu nhưng được miễn trừ theo biên lai đóng tiền tạm ứng án phí số 0003299 ngày

08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Tđã đóng đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3]Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THA dân sự HM;
- UBND xã Đ.T, H. Hóc Môn, TP.HCM (GCNKH số 64 quyền số 01, ngày 06/5/2010).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hồng Hải

